

KỶ NIỆM 60 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2 - 9 (1945 - 2005)

VỀ MỘT SỐ NÉT ĐẶC THÙ CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

PHẠM VĂN ĐỨC (*)

Tóm tắt: Ngoài các đặc trưng chung, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng còn có một số đặc thù riêng. Cụ thể là, thứ nhất, đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; thứ hai, tính chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta do tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế quy định; thứ ba, Nhà nước Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Như vậy, có thể khẳng định rằng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là sự thống nhất giữa cái phổ biến và cái đặc thù.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 như một mốc son chói lọi đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước Dân chủ Nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Kể từ đó đến nay, sau 60 năm tồn tại và phát triển, với thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc, với những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, chúng ta ngày càng nhận rõ tầm quan trọng của việc củng cố và xây dựng một nhà nước hùng mạnh trong công cuộc tái thiết đất nước.

Trước hết, phải khẳng định rằng, quan niệm về việc xây dựng nhà nước ở Việt Nam là một quá trình và không phải ngay từ đầu Đảng ta đã đặt vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà trái lại, phải trải qua một quá trình nhận thức tương đối lâu dài, quan điểm về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới được hình thành.

Thật vậy, khi mới giành được chính quyền, Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ

nhân dân. Nhà nước đó mang bản chất của giai cấp công nhân, lấy liên minh công nông làm nòng cốt. Sau đó, cùng với sự phát triển của đất nước, Đảng ta chủ trương xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản. Mặc dù vậy, bản chất giai cấp của Nhà nước vẫn không có gì thay đổi, vẫn mang bản chất của giai cấp công nhân, dựa trên cơ sở của liên minh công nông. Cái khác so với giai đoạn trước đây chính là ở chỗ, Đảng ta muốn nhấn mạnh đến bản chất giai cấp và tính chất chuyên chính của Nhà nước mà chúng ta xây dựng. Phải đến đầu những năm 90 của thế kỷ XX, nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền mới được đặt ra một cách cụ thể và rõ ràng. Điều 2 của Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi năm 2001) đã ghi rõ: "Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân". Đồng thời, những quan điểm và nguyên tắc xây dựng Nhà nước

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Quyền Viện trưởng Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân đã được thiết lập trong các Nghị quyết của Đảng tại các hội nghị, như *Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII* năm 1994, *Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khoá VII* năm 1995, *Hội nghị lần thứ 3 và 4 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII* năm 1995 và tại *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng* năm 2001. Vấn đề đặt ra là, Nhà nước pháp quyền mà chúng ta đang xây dựng có những đặc trưng gì và dựa trên cơ sở nào mà Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam lại có những đặc trưng như vậy?

Trong di sản của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước, một hình thái nhà nước. Trong lịch sử tiến hoá của nhân loại, loài người đã từng sống trong một giai đoạn không có nhà nước. Nhà nước là sản phẩm của lịch sử và chỉ xuất hiện khi xã hội đã phát triển đến một giai đoạn phát triển nhất định - khi xã hội có sự phân chia giai cấp. Các hình thái nhà nước mà loài người đã từng biết đến là *nhà nước nô lệ*, *nhà nước phong kiến*, *nhà nước tư sản* và *nhà nước xã hội chủ nghĩa*. Cách phân chia hình thái nhà nước như vậy dựa trên quan niệm duy vật về lịch sử mà trực tiếp là dựa vào lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C. Mác. Với quan niệm như vậy, nhà nước pháp quyền không phải là một hình thái nhà nước độc lập, mà là *một phương thức, cách thức tổ chức quyền lực nhà nước*. Đó chính là phương thức, cách thức tổ chức thuộc một số hình thái (kiểu) nhà nước khác nhau.

Trên thực tế, thuật ngữ *Nhà nước pháp quyền* lần đầu tiên được sử dụng ở Đức vào nửa đầu thế kỷ XIX với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản. Ngay từ khi đó, tiêu chuẩn

của một nhà nước pháp quyền đã bao gồm: *tính tối cao của pháp luật và sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật*. Đó cũng là tư tưởng cốt lõi về nhà nước pháp quyền. Về sau, nội dung của khái niệm nhà nước pháp quyền được bổ sung và hoàn thiện thêm. Mỗi nước hiểu nhà nước pháp quyền theo sắc thái khác nhau. Ngay ở Mỹ, khái niệm nhà nước pháp quyền (Law based State) không được sử dụng rộng rãi, mà được hiểu với nội dung là *sự thống trị của pháp luật* (rule of law) hay *nhà nước dân chủ*.

Thế nhưng, nếu nội dung của khái niệm nhà nước pháp quyền được hiểu với tính cách là *tính tối cao của pháp luật và sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật* thì không phải đến thế kỷ XIX nhân loại mới có ý tưởng về nhà nước pháp quyền; mà trái lại, ý tưởng về nhà nước pháp quyền đã hình thành từ rất sớm, cả trong lịch sử phương Tây lẫn phương Đông.

Ở phương Tây, ngay từ thời cổ đại, một số nhà triết học nổi tiếng như Xôcrát, Platôn và Arixtôt đã đưa ra nhiều ý tưởng về nhà nước pháp quyền. Các ông đã đề cao tính công minh của pháp luật trong việc xét xử, sự cần thiết phải xây dựng các bộ luật và quản lý xã hội bằng pháp luật. Tiếp theo các nhà triết học cổ đại, các nhà triết học vĩ đại như Lốccơ, Môngtexkiơ, Cantơ và Hêghen đã nêu ra nhiều tư tưởng quan trọng về nhà nước pháp quyền. Lốccơ cho rằng, con người có các quyền tự nhiên như tự do, bình đẳng và sở hữu. Đó là những quyền tự nhiên bất khả xâm phạm của con người và nhà nước lập ra luật pháp là để bảo vệ các quyền bất khả xâm phạm đó. Ông đề cao vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ tự do cá nhân của con người và đòi hỏi phải phân chia quyền lực nhà nước để tránh mọi sự lạm dụng thế lực đơn phương

đường như đã mọc rễ ở châu Âu. Cantor khẳng định rằng, pháp luật nhằm bảo đảm các quan hệ văn minh giữa người và người. Toàn bộ các hoạt động của nhà nước phải dựa trên pháp luật. Còn Hêghen đã viết tác phẩm nổi tiếng với nhan đề *Nhà nước pháp quyền*; trong đó, ông khẳng định xã hội công dân, trật tự pháp luật và các đạo luật mang tính pháp quyền là những yếu tố cấu thành của nhà nước pháp quyền. Đặc biệt, Môngtexkiơ đã đưa ra ý tưởng về sự cần thiết phải phân chia quyền lực nhà nước thành 3 nhánh là *lập pháp, hành pháp và tư pháp*. Việc phân chia quyền lực nhà nước như vậy, theo ông, xuất phát từ lợi ích chung của xã hội và của nhân dân nhằm bảo đảm cho người dân tránh khỏi tình trạng vô pháp luật cũng như sự tùy tiện và lạm quyền của các quan chức thuộc bộ máy nhà nước. Ông khẳng định rằng, nếu như quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp nằm trong tay một người hoặc một cơ quan (như nằm trong tay vua) thì con người sẽ không có tự do. Còn nếu như quyền tư pháp hợp nhất với quyền hành pháp thì toà án sẽ trở thành kẻ đàn áp và tất cả sẽ bị huỷ diệt⁽¹⁾.

Ngay ở phương Đông, các nhà triết học nổi tiếng Trung Quốc như Lão Tử, Trang Tử và đặc biệt là Hàn Phi Tử đã đưa ra nhiều tư tưởng về tính tối thượng của pháp luật và sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật, mặc dù vai trò của pháp luật được quan niệm có phần khác với quan niệm của phương Tây.

Chẳng hạn, mặc dù không biết gì về thuật ngữ *nhà nước pháp quyền*, nhưng Lão Tử và Trang Tử đã nêu ra tư tưởng nhằm giới hạn sự can thiệp của công quyền vào đời sống cá nhân con người, bảo vệ sự tự do của con người. Còn Hàn Phi Tử đặc

biệt nhấn mạnh và đề cao vai trò của pháp luật trong công việc quản lý xã hội. Các tiêu chuẩn như tính khách quan, công bằng, minh bạch và ổn định là hết sức cần thiết trong việc xây dựng luật pháp.

Điều đó chứng tỏ rằng, tư tưởng về nhà nước pháp quyền là một thành tựu vĩ đại của nhân loại và đã được các nước tư bản chủ nghĩa kế thừa, hiện thực hoá trong thực tế cuộc sống. Nhưng mặt khác, cũng cần phải khẳng định rằng, nhà nước pháp quyền ở các nước phương Tây hiện nay được dựa trên cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Nếu không có cơ sở kinh tế là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa thì không thể có nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa. Ngay cả trên cùng một cơ sở kinh tế là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa thì nhà nước pháp quyền ở các nước khác nhau vẫn mang những sắc thái khác nhau. Sự khác nhau đó là do những điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và văn hoá cụ thể của từng nước quy định. Như vậy, nhà nước pháp quyền ở từng nước cụ thể là sự thống nhất biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù, trong đó cái phổ biến là cái tồn tại trong tất cả các nhà nước pháp quyền, còn cái đặc thù là cái chỉ tồn tại trong một số nước, thậm chí trong một vài nước mà thôi. Vậy những đặc trưng phổ biến của nhà nước pháp quyền là gì?

Hiện đang có những ý kiến hết sức khác nhau về nhà nước pháp quyền. Nhưng ngoài những ý kiến khác nhau đó, các tác giả đã tương đối thống nhất với nhau về một số dấu hiệu đặc trưng của nhà nước pháp quyền:

Thứ nhất, trong nhà nước pháp quyền,

(1) Xem: PGS, TS. Trần Ngọc Đường (Chủ biên). *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, t. 1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 137.

luật pháp giữ địa vị tối cao. Bản thân luật pháp phải thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân, đồng thời phù hợp với hiện thực khách quan. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, có nghĩa vụ tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp.

Thứ hai, quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc có sự phân công rành mạch giữa ba quyền: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp với mục đích kiểm soát quyền lực nhằm hạn chế sự lạm quyền, lạm dụng quyền lực làm xâm hại tới lợi ích hợp pháp của công dân từ phía các cơ quan nhà nước.

Thứ ba, trong nhà nước pháp quyền, con người được xem là giá trị và mục tiêu cao nhất. Các quyền của con người được thể chế hoá thành hiến pháp và pháp luật. Nhà nước bảo đảm cho công dân các quyền cơ bản và bảo hộ cho họ các quyền đó khi bị vi phạm.

Thứ tư, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhân dân chính là người bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Đồng thời, chính nhân dân là người giám sát, kiểm soát những hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc sử dụng quyền lực mà nhân dân uỷ thác cho(2).

Với tính cách một nhà nước pháp quyền, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng có đầy đủ các đặc trưng nói trên. Tuy nhiên, ngay những đặc trưng trên đây cũng có những cái biểu hiện mang tính đặc thù trong điều kiện của Việt Nam. Ngoài ra, nhà nước pháp quyền mà chúng ta đang xây dựng còn có những đặc thù mà nhà nước phương Tây không có. Bởi vì, như chúng tôi đã nói ở trên, nhà nước là sản phẩm của sự phát triển lịch sử và được xây dựng trên một cơ sở kinh tế nhất định.

Với tư cách là sản phẩm của lịch sử, nhà nước bao giờ cũng mang những đặc điểm đặc thù của một dân tộc, của một nền văn hoá nhất định.

Trên cơ sở phương pháp luận như vậy, trong bài viết này, chúng tôi muốn làm rõ một số nét biểu hiện đặc thù hay những đặc điểm đặc thù của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng ở Việt Nam hiện nay.

Trước hết, phải khẳng định rằng, cũng như tất cả các nhà nước pháp quyền trên thế giới, Nhà nước pháp quyền mà chúng ta đang xây dựng lấy pháp luật làm công cụ chủ yếu để quản lý và điều hành xã hội: mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Do ý thức được tầm quan trọng của pháp luật, ngay từ khi chính quyền cách mạng được thành lập, Hồ Chí Minh đã nhận thấy sự cần thiết phải có Hiến pháp và pháp luật để đảm bảo các quyền cơ bản của công dân. Các bộ máy hành pháp, lập pháp và tư pháp được thành lập ngay sau cách mạng thành công. Chúng ta có Hiến pháp đã được sửa đổi nhiều lần và hệ thống luật pháp ngày càng được bổ sung và hoàn thiện. Đặc biệt, kể từ khi đổi mới đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã tập trung nhiều công sức để xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhiều bộ luật mới đã được ban hành, một số bộ luật cũ không còn phù hợp với thực tiễn đã được sửa đổi, bổ sung, nhiều văn bản mang tính pháp lý đã được ban hành nhằm điều chỉnh các hành vi của con người theo các quy định của luật pháp.

(2) Xem: PGS, TS. Trần Ngọc Đường (Chủ biên). *Sđđ.*, tr.145 - 146; Lê Văn Cẩm. *Học thuyết về nhà nước pháp quyền và thực tiễn của nó ở Liên bang Nga*. Nxb Sáng tạo, Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam tại Liên bang Nga, Mátxcova, 1997, tr. 45-46.

“Chỉ tính từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ban hành 13.000 văn bản pháp luật các loại, trong đó có hơn 40 bộ luật và luật, trên 120 pháp lệnh, gần 850 văn bản của Chính phủ và trên 3000 văn bản pháp quy của các bộ, ngành đã được thông qua và thực thi. Riêng trong năm 2004, Quốc hội đã thảo luận và thông qua 13 luật và 8 pháp lệnh trong các lĩnh vực khác nhau”(3).

Tuy nhiên, phải thừa nhận một thực tế rằng, mặc dù số lượng các bộ luật và luật tăng nhiều so với các năm trước đây, nhưng so với yêu cầu của thực tiễn cuộc sống thì điều đó vẫn chưa đáp ứng đủ; nhiều bộ luật vừa mới ban hành nhưng đã lạc hậu so với cuộc sống thực tế nên phải sửa đổi. Thêm vào đó, việc thực thi pháp luật trong thực tế cũng có rất nhiều vấn đề phải quan tâm, như việc xử theo luật của các cơ quan nhà nước chưa thực công minh, ý thức chấp hành pháp luật của người dân thấp, v.v.. Vì vậy, vấn đề đặt ra trong thời gian tới là phải từng bước tiến hành một cách đồng bộ cả việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách bộ máy hành chính và các cơ quan thực thi pháp luật lẫn nâng cao ý thức của người dân trong việc chấp hành luật pháp.

Tuy nhiên, *điểm khác căn bản* giữa nhà nước pháp quyền tư sản và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng là ở chỗ, nếu như trong nhà nước pháp quyền tư sản, quyền lực của nhà nước được phân cho 3 cơ quan khác nhau đảm nhiệm và ba cơ quan này hoàn toàn độc lập với nhau (tam quyền phân lập) thì một trong những nguyên tắc quan trọng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các

cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; trong đó, Quốc hội thực hiện quyền lập pháp, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp và Tòa án cùng với Viện Kiểm sát thực hiện quyền tư pháp. Đây chính là biểu hiện đặc thù của một đặc trưng mang tính phổ biến của nhà nước pháp quyền trong điều kiện của Việt Nam. Tính đặc thù này chính là do cơ sở kinh tế và tính chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước pháp quyền của Việt Nam, mà chúng tôi sẽ trình bày ở dưới đây, quy định.

Thứ hai, Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cơ sở kinh tế của Nhà nước đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo quan điểm duy vật về lịch sử, nhà nước là một yếu tố của kiến trúc thượng tầng được xây dựng trên một cơ sở kinh tế nhất định. Tính chất của nhà nước do cơ sở hạ tầng quy định. Với logic như vậy, có thể khẳng định rằng, tính chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam do tính định hướng xã hội chủ nghĩa của cơ sở kinh tế quy định. Tuy nhiên, ở đây có một câu hỏi đặt ra là tại sao trong các văn kiện của Đảng, Đảng ta không sử dụng một cách nhất quán tính từ xã hội chủ nghĩa hay định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi cho rằng, dù có sử dụng tính từ xã hội chủ nghĩa hay định hướng xã hội chủ nghĩa thì nội dung của thuật ngữ đó không có sự thay đổi một cách căn bản, bởi cái đích mà cả dân tộc ta hướng tới chính là chủ nghĩa xã hội, còn hiện tại, mọi lĩnh vực của xã hội đang thực hiện những bước *trung gian quá độ* để đi đến một xã hội xã hội chủ nghĩa đích thực. Chúng ta có thể sử dụng thuật

(3) *Sách trắng về nhân quyền: Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam*. [Http://www.nhandan.com.vn](http://www.nhandan.com.vn) ngày 19 - 8 - 2005, tr. 4.

ngữ nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa để chỉ nền kinh tế mà chúng ta đang xây dựng. Trên thực tế, Trung Quốc, một nước láng giềng có định hướng chính trị giống nước ta, đã sử dụng thuật ngữ này.

Thứ ba, tính chất xã hội chủ nghĩa của nhà nước pháp quyền đòi hỏi phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Bất cứ nhà nước nào cũng do một đảng lãnh đạo. Ngay ở các nước tư bản, nơi có các đảng phái đối lập nhau, khi một đảng nào đó nắm được chính quyền thì họ tìm cách đưa người của mình vào các cơ quan nhà nước để thực thi đường lối, chủ trương của đảng mình, còn các đảng phái khác trở thành đảng đối lập.

Nhưng đối với những nước phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa hoặc chủ nghĩa xã hội thì theo quan điểm của triết học mácxít, Đảng Cộng sản là người lãnh đạo nhà nước và lãnh đạo xã hội. Nhà nước có nhiệm vụ thể chế hoá chủ trương, đường lối của đảng thành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật. Việt Nam chúng ta đang đi theo quỹ đạo đó. Xét về mặt lịch sử, Đảng Lao động Việt Nam, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam, đã lãnh đạo nhân dân ta đứng lên giành chính quyền, lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân nay là Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến thần thánh và đạt được những thành tựu hết sức to lớn trong công cuộc đổi mới đất nước vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Vì vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước và đối với xã hội là vấn đề không còn phải bàn cãi. Vấn đề là chỗ, cần đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước theo

hướng Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết, nguyên tắc giải quyết các vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh; thể chế hoá, cụ thể quan điểm, chủ trương của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch của Nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhưng Đảng không làm thay Nhà nước, không áp đặt, bao biện, lạm quyền, v. v. như các nghị quyết gần đây của Đảng đã chỉ ra.

Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, nhà nước bao giờ cũng là công cụ của một giai cấp. Nhà nước của giai cấp công nhân cũng không nằm ngoài quy luật đó, tức là công cụ và đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân. Nhưng vì lợi ích của giai cấp công nhân về cơ bản là thống nhất với lợi ích của giai cấp nông dân và của các tầng lớp nhân dân lao động khác, cho nên nhà nước của giai cấp công nhân đại diện cho lợi ích của tất cả nhân dân lao động. Với ý nghĩa đó, nhà nước của giai cấp công nhân là nhà nước không còn đúng nghĩa của nó nữa. Đó là nhà nước của nhân dân lao động, do nhân dân lao động sáng tạo ra và vì lợi ích của nhân dân.

Thực ra, không phải cho đến C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin, tư tưởng về nhà nước của dân, do dân và vì dân mới ra đời, mà trái lại, ngay trong triết học Trung Quốc cổ đại, một số nhà triết học đã nhận thấy sức mạnh của nhân dân, dân là gốc của nước, còn dân thì còn nước, mất dân thì mất nước. Thêm vào đó, một số nhà triết học còn có tư tưởng cho rằng, các chính sách của nhà nước phải vì lợi ích của nhân dân, lợi ích của nhà nước phải thống nhất

với lợi ích của nhân dân. Các học thuyết Nhân trị của Nho giáo, Kiêm ái của Mặc gia, Vô vi của Đạo gia, v. v. đều đưa ra ý tưởng về phương thức quản lý nhà nước phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân(4).

Do tiếp xúc với nhiều nền văn hoá, cả phương Đông lẫn phương Tây, đặc biệt là do tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ khi thành lập nước, Hồ Chí Minh đã xác định nhiệm vụ xây dựng *nhà nước của dân, do dân và vì dân*.

Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước, Hồ Chí Minh cho rằng, nhà nước là sản phẩm của sự phát triển lâu dài của lịch sử; loài người đã từng chứng kiến một giai đoạn xã hội không có nhà nước. Trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ vì không có chế độ tư hữu, không có giai cấp, không có áp bức bóc lột, do vậy không có nhà nước. Kể từ khi có chế độ tư hữu, xã hội phân chia thành giai cấp, giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, nhà nước mới xuất hiện. Nhà nước là công cụ của giai cấp bóc lột để thống trị giai cấp bị bóc lột. Nhưng từ khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, một xã hội mới ra đời, nhà nước trở thành công cụ của nhân dân lao động. Cách giải thích của Hồ Chí Minh như trên hoàn toàn thống nhất với quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về nhà nước và nhà nước kiểu mới (nhà nước xã hội chủ nghĩa).

Trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Hồ Chí Minh không ngừng phát triển quan điểm về nhà nước của nhân dân. Khi giải thích tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Nhà nước của ta là nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo"(5).

Qua sự giải thích của Hồ Chí Minh về tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chúng ta có thể thấy rõ quan điểm của Người về *tính dân chủ* và *tính nhân dân* của Nhà nước mà chúng ta xây dựng.

Tính nhân dân của Nhà nước được thể hiện ở chỗ, "tất cả mọi quyền lực đều của nhân dân", "chính quyền là của nhân dân", "nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền", v.v.. Người khẳng định: "Theo điều 4 Dự thảo Hiến pháp sửa đổi, tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân". Nhân dân được Hồ Chí Minh giải thích bao gồm 4 giai cấp, đó là các giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Trong bốn giai cấp ấy, giai cấp công nhân đóng vai trò lãnh đạo, liên minh công nông là nền tảng. Người viết: "Trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là *của nhân dân*, tức là của giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Bốn giai cấp ấy do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy *công nông liên minh* làm nền tảng, đoàn kết các giai cấp dân chủ và các dân tộc trong nước, để thực hành dân chủ chuyên chính"(6).

Tính nhân dân của nhà nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh có quan hệ chặt chẽ với tính dân chủ. Người còn khẳng định rằng, *chế độ ta là chế độ dân chủ, nhân dân là chủ*, nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền, chính quyền là của nhân dân, do

(4) Xem: Bùi Ngọc Sơn. *Triết lý chính trị Trung Hoa cổ đại và vấn đề nhà nước pháp quyền*. Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2004, tr. 204.

(5) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t. 9. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 586.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr. 217.

nhân dân làm chủ. Người viết: "Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nhà nước do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân..." và "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức nhân dân là người chủ", v.v..

Song, để có thể duy trì được dân chủ, nhà nước phải có chức năng chuyên chính. Kế thừa quan điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin về chức năng chuyên chính của nhà nước, Hồ Chí Minh khẳng định: "Chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là ai chuyên chính với ai? Dưới chế độ phong kiến, tư bản, chuyên chính là số ít người chuyên chính với đa số nhân dân. Dưới chế độ dân chủ nhân dân, chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ dân chủ của nhân dân"(7). Về mối quan hệ giữa chuyên chính và dân chủ, Người giải thích: "*Dân chủ* là quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá, cái cửa để để phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khoá, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết. Cho nên có cửa phải có khoá, có nhà phải có cửa. Thế thì dân chủ cũng cần có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ"(8).

Tư tưởng về Nhà nước của dân, do dân và vì dân của Hồ Chí Minh đã được Đảng ta tiếp thu và phát triển trong các văn kiện của các kỳ đại hội. Trong Văn kiện Đại hội lần thứ IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân"(9).

Như vậy, có thể khẳng định, tư tưởng về nhà nước của dân, do dân và vì dân là tư tưởng của chủ nghĩa Mác đã được Hồ Chí

Minh tiếp thu một cách trực tiếp và vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Đó cũng là cái đích để chúng ta xây dựng một nhà nước kiểu mới mà Hồ Chí Minh là người đặt nền móng.

Trên đây là một số biểu hiện đặc thù và những đặc điểm đặc thù của Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Từ sự phân tích những biểu hiện và những đặc điểm đặc thù đó, có thể khẳng định rằng, Nhà nước pháp quyền Việt Nam là sự thống nhất giữa cái phổ biến và cái đặc thù. Trong đó, cái phổ biến chính là những cái tồn tại trong tất cả các loại nhà nước pháp quyền khác nhau, có nét biểu hiện đặc thù trong các nhà nước pháp quyền cụ thể, còn cái đặc thù là cái chỉ tồn tại trong một số nước nhất định mà thôi. Các đặc điểm phổ biến hoàn toàn không loại trừ những biểu hiện đặc thù và những đặc điểm đặc thù. Những biểu hiện đặc thù do chính đặc điểm đặc thù quy định. Những biểu hiện đặc thù và những đặc điểm đặc thù làm phong phú thêm cho các đặc điểm phổ biến. Tất cả những biểu hiện đặc thù cùng với những đặc điểm đặc thù tạo nên đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, và vì dân của Việt Nam. Nghiên cứu những đặc điểm đặc thù của Nhà nước pháp quyền Việt Nam góp phần làm phong phú thêm lý luận về nhà nước pháp quyền nói chung và việc xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam khẳng định sự tồn tại của một nhà nước pháp quyền kiểu mới. □

(7) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 8, tr. 279.

(8) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t. 8, tr. 279-280.

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 131.